

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày 23-12-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng  
và hợp đồng thế chấp bất động sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Đăng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tấn Sĩ

Ông Kim Na Rinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bất động sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N. Địa chỉ trụ sở chính: Tháp B, số 35 H V, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Minh T, Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N - Chi nhánh Trà Vinh kiêm Giám đốc Phòng giao dịch C (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (Vắng mặt).  
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Trần Thị H, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 30/9/2019 nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N trình bày:* Ngày 10-11-2016 ông Nguyễn Văn H ký hợp đồng tín dụng số 01/2016/7589589/HĐTD với Ngân hàng TMCP Đ và P V N - Chi nhánh Trà Vinh - Phòng giao dịch C (Sau đây viết tắt là Ngân hàng B) vay số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay cải tạo ao hồ, làm cống, mua máy quạt mô tua nuôi tôm, lãi suất vay trong hạn 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi xuất trong hạn, thời hạn vay 11 tháng, trả nợ gốc ngày 10/10/2017, định kỳ 03 tháng/lần trả lãi phát sinh trong kỳ. Tài sản thế chấp là 04 quyền sử dụng đất, Số AC 291117, Số AC 291115, Số AC 291114, Số AC 291116 theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/7589589/HĐTD ngày 10/11/2016. Đến hạn thanh toán nợ Ngân hàng nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở trả nợ nhưng ông H vẫn chưa thanh toán hết nợ nên khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng, lãi trong hạn tính đến ngày 29/9/2019 là 44.582.500 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2019 là 15.300.000 đồng, tổng cộng là 229.882.500 đồng, yêu cầu trả lãi phát sinh từ ngày 30/9/2019 cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 04 quyền sử dụng đất gồm: Số AC 291117 thửa số 1529, diện tích 400m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản; Số AC 291115 thửa số 1530, diện tích 3.420m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa; Số AC 291114 thửa số 1531, diện tích 105m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Số AC 291116 thửa số 2532, diện tích 800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; 04 thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3, cùng địa chỉ thửa đất xã H, huyện C để cơ quan có thẩm quyền bán đấu giá để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng ngày 05/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Văn H trình bày:* Ngày 10-11-2016 ông H có ký hợp đồng vay của Ngân hàng TMCP Đ và P V N - Phòng giao dịch C số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay, thỏa thuận lãi suất trong hạn, quá hạn, thời hạn trả lãi, thanh toán nợ gốc và tài sản thế chấp ông thống nhất theo trình bày của Ngân hàng. Sau khi vay vốn do nuôi tôm thua lỗ không còn khả năng đóng lãi và trả vốn. Ông H đồng ý trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Nếu không thanh toán đủ số tiền còn nợ thì đồng ý giao tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền xử lý để thanh toán nợ cho Ngân hàng B.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:* Bà là vợ ông Nguyễn Văn H, ngày 10-11-2016 ông H có vay của Ngân hàng TMCP Đ và P V N - Phòng giao dịch C số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay là để sử dụng đầu tư nuôi tôm, nhưng do tôm chết và không còn khả năng đóng lãi và trả vốn, nay bà đồng ý giao tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền xử lý để thanh toán nợ cho Ngân hàng B.

Anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Đặng Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng, đơn khởi kiện trước đây do nhầm lẫn trong tính toán nên đã khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trong hạn và quá hạn chưa đúng theo hợp đồng, do đó xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi, yêu cầu ông H trả lãi trong hạn từ ngày 15/11/2016 đến ngày 10/10/2017 là 14.025.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 11/10/2017 đến ngày 23/12/2020 là 74.587.500 đồng. Đối với yêu cầu trả nợ gốc, tiền lãi phát sinh và xử lý tài sản thế chấp giữ nguyên đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, về tổ tụng vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng. Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn H trả cho Ngân hàng B số tiền vốn gốc 170.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.025.000 đồng, lãi quá hạn 74.587.500 đồng và tiền lãi phát sinh đến khi trả hết nợ; đề nghị chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 04 quyền sử dụng đất gồm: Số AC 291117 thửa số 1529, diện tích 400m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản; Số AC 291115 thửa số 1530, diện tích 3.420m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa; Số AC 291114 thửa số 1531, diện tích 105m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Số AC 291116 thửa số 2532, diện tích 800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; 04 thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3, cùng địa chỉ thửa đất xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ nếu trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ; đề nghị buộc ông H phải chịu chi phí thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền vay còn nợ và xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông H có nơi cư trú tại Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về áp dụng pháp luật nội dung: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng B với ông H được ký kết vào ngày 10/11/2016, được thực hiện từ năm 2017 đến khi phát sinh tranh chấp, do đó áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giải quyết vụ án.

#### **[2]. Về nội dung:**

Xét yêu cầu của Ngân hàng B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền nợ gốc 170.000.000 đồng, thấy rằng tại hợp đồng tín dụng số 01/2016/7589589/HĐTD ngày 10/11/2016 được ký kết giữa ông H với Ngân hàng B thể hiện ông H vay của Ngân hàng B số tiền là 170.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, hình thức thanh toán định kỳ 03 tháng/lần trả lãi phát sinh trong kỳ, thời hạn trả nợ gốc ngày 10/10/2017, nhưng ông H chưa trả số tiền nợ gốc theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo điểm a, khoản 6 hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, Ngân hàng B yêu

cầu ông H trả tiền nợ gốc này là thực hiện đúng quyền của bên cho vay theo khoản 9 của hợp đồng tín dụng 01/2016/7589589/HĐTD ngày 10/11/2016 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng B về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lãi trong hạn từ ngày 15/11/2016 đến ngày 10/10/2017 là 14.025.000 đồng, lãi quá hạn tính từ ngày 11/10/2017 đến ngày 23/12/2020 là 74.587.500 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số 01/2016/7589589/HĐTD ngày 10-11-2016 Ngân hàng B và ông H đã thỏa thuận ký kết lãi suất vay trong hạn 9%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi xuất trong hạn. Thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày rút vốn 15/11/2016 đến nay ông H không trả lãi cho Ngân hàng B là vi phạm nghĩa vụ của bên vay trong hợp đồng đã ký kết, do đó Ngân hàng B yêu cầu ông H trả lãi trong hạn và lãi quá hạn nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền lãi quá hạn phát sinh do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả, buộc ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng B khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 24/12/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2016/7589589/HĐTD ngày 10/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng B với ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn H thì tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng 01/2016/7589589/HĐTD ngày 10/11/2016 là 04 quyền sử dụng đất gồm: Số AC 291117 thửa số 1529, diện tích 400m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản; Số AC 291115 thửa số 1530, diện tích 3.420m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa; Số AC 291114 thửa số 1531, diện tích 105m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Số AC 291116 thửa số 2532, diện tích 800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, 04 thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3, cùng địa chỉ thửa đất xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, cùng do ông Nguyễn Văn H đứng tên quyền sử dụng đất, việc thế chấp tài sản này đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện C chứng thực vào ngày 11/11/2016 và có đăng ký thế chấp theo hồ sơ số 035899.TC.006 ngày 14/11/2016 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C theo đúng quy định pháp luật. Do vậy, việc Ngân hàng B yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay do ông H không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 323 của Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2020, Tòa án tiến hành đối với thửa số 1529, diện tích 400m<sup>2</sup>, thửa số 1530, diện tích 3.420m<sup>2</sup>, thửa số 1531, diện tích 105m<sup>2</sup>, thửa số 2532, diện tích 800m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 3, cùng địa chỉ thửa đất xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh trong hợp đồng thế chấp. Kết quả thẩm định cho thấy 04 thửa đất thế chấp này vẫn nguyên hiện trạng, không thay đổi, không cho thuê do gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H quản lý, sử dụng nên có nghĩa vụ giao các tài sản thế chấp trên cho cơ quan có thẩm quyền xử lý để thanh toán nợ cho Ngân hàng B.

[4]. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng B được chấp nhận là  $258.612.500 \text{ đồng} \times 5\% = 12.930.625 \text{ đồng}$  theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy ý kiến Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đề nghị như đã nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 688, 317, 323, 463, 466, 468, 500, 502 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N.

- Về số tiền phải trả: Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng, lãi trong hạn 14.025.000 đồng, lãi quá hạn 74.587.500 đồng, tổng cộng 258.612.500 (Hai trăm năm mươi tám triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày 24/12/2020, ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Buộc ông Nguyễn Văn H, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Văn N và anh Nguyễn Văn H giao tài sản thế chấp là 04 quyền sử dụng đất gồm: Số AC 291117 thửa số 1529, diện tích 400m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất nuôi trồng thủy sản; Số AC 291115 thửa số 1530, diện tích 3.420m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng lúa; Số AC 291114 thửa số 1531, diện tích 105m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Số AC 291116 thửa số 2532, diện tích 800m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, 04 thửa đất này cùng tờ bản đồ số 3, cùng địa chỉ thửa đất xã H, huyện C,

tỉnh Trà Vinh, cùng do ông H đứng tên quyền sử dụng đất cho cơ quan có thẩm quyền xử lý, bán đấu giá để thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp 12.930.625 (Mười hai triệu chín trăm ba mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.747.000 (Năm triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007063 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và P V N không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên được trả lại tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh thi hành từ ông Nguyễn Văn H và hoàn trả cho Ngân hàng số tiền này.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Đăng**

